

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 23 (huyện Trùng Khánh)

Môn: Phần E.III. Kiến thức bổ trợ

Ngày thi: 09/10/2024

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Hoàng Thị Bạch	8,00	Tám	37	La Thị Mây	7,75	Bảy phẩy bảy năm
2	La Thị Biếc	6,75	Sáu phẩy bảy năm	38	Nguyễn Thị Minh Nghiệp	7,50	Bảy phẩy năm
3	Lục Thị Chinh	7,75	Bảy phẩy bảy năm	39	Lương Văn Ngu	7,25	Bảy phẩy hai năm
4	Hoàng Văn Cương	7,50	Bảy phẩy năm	40	Thang Thị Nguyệt	8,00	Tám
5	Hoàng Văn Dự	6,50	Sáu phẩy năm	41	Trần Đức Nhâm	7,50	Bảy phẩy năm
6	Hoàng Thị Duyên	7,25	Bảy phẩy hai năm	42	Hoàng Thị Nhung	7,50	Bảy phẩy năm
7	La Thị Duyên	8,00	Tám	43	Nông Thị Nhung	6,50	Sáu phẩy năm
8	La Thị Duyên	7,25	Bảy phẩy hai năm	44	Ngân Thị Nương	8,00	Tám
9	Nông Thị Duyên	7,25	Bảy phẩy hai năm	45	Ngô Thị Phương	7,50	Bảy phẩy năm
10	Lương Thị Gấm	7,25	Bảy phẩy hai năm	46	Đàm Văn Quang	6,75	Sáu phẩy bảy năm
11	Nông Thị Hằng	7,50	Bảy phẩy năm	47	Mông Đình Quế	6,50	Sáu phẩy năm
12	Nông Thị Hành	7,50	Bảy phẩy năm	48	Chu Thị Quý	8,00	Tám
13	Lương Thị Hạnh	8,00	Tám	49	Hà Thị Quyền	8,00	Tám
14	Bé Thị Hào	7,25	Bảy phẩy hai năm	50	Lãnh Thị Minh Tâm	8,25	Tám phẩy hai năm
15	Dương Thị Hào	7,50	Bảy phẩy năm	51	Hoàng Văn Thái	8,00	Tám
16	Hoàng Đức Hiếu	8,25	Tám phẩy hai năm	52	Nông Thị Thắm	8,00	Tám
17	Ngân Thị Hòa	8,00	Tám	53	Bé Thị Thê	8,00	Tám
18	Lương Thị Hợp	7,50	Bảy phẩy năm	54	Hứa Văn Thiệp	7,00	Bảy
19	Hoàng Văn Huân	7,25	Bảy phẩy hai năm	55	Lục Văn Thiệp	7,00	Bảy
20	Đàm Thị Huệ	8,00	Tám	56	Hoàng Văn Thóm	6,50	Sáu phẩy năm
21	Hoàng Kim Huệ	8,00	Tám	57	Lục Thị Thu	7,50	Bảy phẩy năm
22	Nông Thị Hường	8,00	Tám	58	Nông Văn Thượng	7,00	Bảy

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
23	Hứa Quốc Huy	7,25	Bảy phẩy hai năm	59	Hứa Thị Thúy	6,50	Sáu phẩy năm
24	Hoàng Bích Huyền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	60	Nông Ngọc Thủy	7,25	Bảy phẩy hai năm
25	Hoàng Văn Khai		Thôi học	61	Triệu Thị Thủy	8,00	Tám
26	Hà Phúc Khải	6,50	Sáu phẩy năm	62	Nguyễn Ngọc Tịch	7,00	Bảy
27	Hoàng Thị Khâm	7,50	Bảy phẩy năm	63	Lương Thị Tiên	7,50	Bảy phẩy năm
28	Nông Đức Khánh	6,50	Sáu phẩy năm	64	Nguyễn Quang Tiến	8,00	Tám
29	La Đức Kiểm	6,50	Sáu phẩy năm	65	Triệu Thị Tòn	6,75	Sáu phẩy bảy năm
30	Hoàng Thị Kỳ	7,00	Bảy	66	Hoàng Minh Trọng	7,50	Bảy phẩy năm
31	Sầm Thị Lanh	7,00	Bảy	67	Hoàng Đức Trung	7,50	Bảy phẩy năm
32	Đinh Thị Liên	8,00	Tám	68	Đàm Thị Tuyên	7,25	Bảy phẩy hai năm
33	Nông Thị Liễu	8,25	Tám phẩy hai năm	69	Vi Thị Viện	6,50	Sáu phẩy năm
34	Nông Thị Luyến	8,00	Tám	70	Hoàng Thị Yên	6,75	Sáu phẩy bảy năm
35	Nông Thị Ly	8,00	Tám	71	Ngôn Hải Yên	8,00	Tám
36	Nông Thị Mận	8,00	Tám	72	Lý Thị Hoài	8,25	Tám phẩy hai năm

Điểm 6,50: 09 điểm; Điểm 6,75: 04 điểm; Điểm 7,00: 06 điểm; Điểm 7,25: 10 điểm; Điểm 7,50: 14 điểm; Điểm 7,75: 03 điểm; Điểm 8,00: 21 điểm; Điểm 8,25: 04 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thu Hằng

Đoàn Thị Vân Thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa